

# CHỦ QUYỀN VIỆT NAM ĐỐI VỚI VÙNG ĐẤT NAM BỘ DƯỚI GÓC NHÌN NGUYÊN TẮC CHIẾM HỮU THỰC SỰ TRONG LUẬT QUỐC TẾ

PHẠM TÂN XUÂN TƯỚC\*

Ngày nhận bài: 04/6/2025 Ngày thẩm định: 09/6/2025 Ngày duyệt đăng: 27/02/2026

**Tóm tắt:** Bài viết phân tích quá trình xác lập, thực thi chủ quyền của Việt Nam dưới góc nhìn luật pháp quốc tế. Từ tư liệu lịch sử về quá trình khai phá, tổ chức quản lý hành chính, dân cư, phát triển kinh tế, bảo vệ an ninh và xác lập các văn kiện pháp lý liên quan, bài viết khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với vùng đất Nam Bộ. Các chính sách di dân, khai khẩn, tổ chức hành chính - quân sự, văn hóa - xã hội trên vùng đất Nam Bộ đã khẳng định tính chính danh và hợp pháp của chủ quyền Việt Nam tại khu vực này.

**Từ khóa:** chiếm hữu thực sự; chủ quyền Nam Bộ; Việt Nam

**1** Chủ quyền đối với vùng đất Nam Bộ là vấn đề có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong lịch sử hình thành lãnh thổ Việt Nam. Đó không chỉ là kết quả của hơn 300 năm khai phá, bồi đắp bằng mồ hôi và xương máu của bao thế hệ, mà còn là một thực thể pháp lý vững chắc được công nhận bởi các định chế quốc tế xuyên suốt lịch sử.

Trong những năm gần đây, xuất hiện một số quan điểm xuyên tạc về nguồn gốc lịch sử và địa vị pháp lý của vùng đất Nam Bộ của các thế lực thù địch (Liên đoàn Khmer Kampuchea Krom (KKF), Cộng đồng Khmers Kampuchea Krom, Hội Ái hữu Khmer Kampuchea Krom (AKKK) và các hội nhóm cực đoan tại phương Tây). Phương thức chủ yếu của chúng là lợi dụng không gian mạng để xuyên tạc chủ quyền của Việt Nam đối với vùng đất Nam Bộ. Thông qua hệ thống báo đài nước ngoài và các nền

tăng truyền thông xuyên biên giới, chúng không ngừng phát tán các luận điệu xuyên tạc về chủ quyền vùng đất Nam Bộ nhằm phủ nhận tiến trình xác lập chủ quyền của dân tộc Việt Nam, đồng thời kích động chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi. Mục tiêu cuối cùng là cổ xúy tư tưởng ly khai, mưu đồ thành lập cái gọi là “Nhà nước Kampuchia Khmer Krom” tự trị, phá vỡ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tạo ra các điểm nóng về chính trị - xã hội thông qua các hoạt động biểu tình, bạo loạn. Những hành vi này không chỉ trực tiếp xâm phạm đến sự thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Nhà nước Việt Nam, mà còn là rào cản trong việc vun đắp quan hệ hữu nghị giữa hai quốc gia Việt Nam và Campuchia.

Trước những thách thức phi lý đó, việc soi chiếu chủ quyền của Việt Nam đối với Nam Bộ dưới góc nhìn nguyên tắc chiếm hữu thực sự của luật quốc tế có ý nghĩa khoa học để khẳng định sự thật lịch sử và bác bỏ các luận điệu xuyên tạc, đồng thời, khẳng định tính chính danh, toàn vẹn lãnh thổ không thể tranh cãi của Việt Nam.

\*ThS, Học viện Chính trị khu vực II, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

2. Trong luật pháp quốc tế, vấn đề xác lập chủ quyền lãnh thổ thường được xem xét trên cơ sở danh nghĩa pháp lý, mức độ thực thi quyền lực nhà nước trên thực tế, trong đó có nguyên tắc chiếm hữu thực sự (Effective Occupation). Nguyên tắc chiếm hữu thực sự là tiêu chuẩn pháp lý cao nhất được các cơ quan tài phán hiện đại áp dụng để xác lập và giải quyết tranh chấp chủ quyền lãnh thổ. Nguyên tắc này được các cường quốc thỏa thuận thay thế cho nguyên tắc chiếm hữu tượng trưng (Symbolic Occupation) trong Định ước Berlin (năm 1885). Theo đó, xác lập chủ quyền không thể dựa trên danh nghĩa “khám phá”, cắm cờ, dựng bia chủ quyền, đặt tên cho vùng đất mà không cần ở lại lâu dài trong các phán quyết trước đó, mà bằng việc thiết lập bộ máy hành chính, thu thuế, thực thi pháp luật, bảo vệ an ninh liên tục. Năm 1888, Viện Pháp luật quốc tế Lausanne (Thụy Sĩ) đã củng cố giá trị pháp lý cho nguyên tắc này khi khẳng định lại các tiêu chuẩn của Định ước Berlin, giúp nó dần trở thành một tập quán quốc tế chứ không chỉ là thỏa thuận của một nhóm quốc gia. Tuy Định ước Berlin bị Hiệp ước Saint Germain năm 1919 tuyên bố hủy bỏ nhưng nguyên tắc này vẫn được các cơ quan tài phán quốc tế áp dụng trong thực tiễn giải quyết tranh chấp lãnh thổ.

Nguyên tắc chiếm hữu thực sự gồm 05 tiêu chí: (1) Việc xác lập chủ quyền lãnh thổ phải do nhà nước tiến hành; (2) Sự chiếm hữu phải được tiến hành một cách hòa bình trên một vùng lãnh thổ vô chủ (res nullius) hoặc trên một vùng lãnh thổ đã bị từ bỏ bởi một quốc gia đã làm chủ nó trước đó (derelicto); (3) Việc sử dụng vũ lực để xâm chiếm là hành động phi pháp; (4) Quốc gia chiếm hữu phải thực thi chủ quyền của mình ở những mức độ cần thiết, tối thiểu thích hợp với các điều kiện tự nhiên và dân cư trên vùng lãnh thổ đó; (5) Việc thực thi chủ quyền phải liên tục, hòa bình<sup>(1)</sup>. Theo đó, chủ quyền lãnh thổ không chỉ được khẳng định bằng các văn bản hay lời tuyên bố, mà phải thể hiện bằng các hành động thực tế của quốc gia chiếm hữu, như

quản lý hành chính, khai thác kinh tế, duy trì an ninh, xây dựng cơ sở hạ tầng và truyền bá văn hóa. Nguyên tắc này đã được Tòa án Công lý quốc tế và Tòa Trọng tài quốc tế áp dụng trong nhiều vụ án, như đảo Palmas (năm 1928), đảo Minquiers và Ecrehous (năm 1953), đảo Ligitan và Sipadan (năm 2002), Pedra Branca (năm 2008),... Trong các phán quyết, Tòa đều ưu tiên bằng chứng về việc thực thi quyền lực thực tế, liên tục trong hòa bình thay vì chỉ dựa vào lập luận lịch sử hoặc tuyên bố pháp lý.

Từ hệ thống tiêu chuẩn pháp lý nêu trên, có thể thấy, chủ quyền không tự nhiên sinh ra từ những tuyên bố lịch sử trừu tượng, mà phải dựa trên sự thực thi quyền lực thực tế và liên tục. Để có cơ sở đối chiếu các tiêu chí này vào thực tiễn Nam Bộ, trước hết cần làm rõ tiền đề về trạng thái lãnh thổ trước khi người Việt đặt chân đến. Việc phân tích sự hình thành, phát triển, suy vong của vương quốc Phù Nam cũng như sự hiện diện lỏng lẻo của Chân Lạp tại vùng Thủy Chân Lạp cung cấp bằng chứng khách quan về một “khoảng trống quyền lực” - yếu tố then chốt cho phép Nhà nước Việt Nam xác lập chủ quyền một cách hòa bình và hợp pháp sau này.

3. Các công trình sử học và khảo cổ học cho thấy từ thế kỷ I đến thế kỷ VII, ở hạ lưu sông Mêkông từng tồn tại vương quốc Phù Nam, gắn liền với văn hóa Óc Eo. Cư dân Phù Nam chủ yếu thuộc ngữ hệ Mã Lai - Đa đảo, có lối sống hướng biển, mạnh về thương mại hàng hải và đóng vai trò trung chuyển trong mạng lưới giao thương quốc tế. Cùng thời gian này, ở trung lưu sông Mêkông, nước Chân Lạp của người Khmer hình thành với đặc trưng nông nghiệp lúa nước và có văn hóa khác biệt với Phù Nam. Các nhà khảo cổ khẳng định hai nền văn hóa này không có sự kế thừa trực tiếp. Louis Malleret, chuyên gia hàng đầu về khảo cổ Đông Nam Á, bác bỏ luận điểm cho rằng Óc Eo là giai đoạn sơ kỳ của văn hóa Khmer<sup>(2)</sup>. Đầu thế kỷ VII, Chân Lạp, một thuộc quốc của Phù Nam đã tấn công và chiếm lấy lãnh thổ Phù Nam<sup>(3)</sup>. Việc

đồng nhất Phù Nam và Chân Lạp là thiếu căn cứ khoa học, mang tính suy diễn chính trị. Phù Nam là một quốc gia riêng biệt, không thể xem là tiền thân của Campuchia hiện đại. Đây là cơ sở để bác bỏ luận điệu cho rằng Tây Nam Bộ vốn thuộc Campuchia trong lịch sử.

4. Quá trình xác lập và duy trì chủ quyền của Việt Nam tại Nam Bộ hội đủ các tiêu chí của nguyên tắc chiếm hữu thực sự

*Thứ nhất*, chính quyền thời các chúa Nguyễn đến các vua nhà Nguyễn đã thực thi quyền quản lý hành chính ở Nam Bộ bằng nhiều biện pháp mang tính chủ động, lâu dài và hiệu quả

Sau khi chiếm lĩnh vùng đất Phù Nam, người Khmer gọi khu vực này là Thủy Chân Lạp để phân biệt với vùng Lục Chân Lạp có địa hình cao. Tuy nhiên, do địa hình sinh lầy, ngập nước và dân cư thưa thớt, Chân Lạp đã không thiết lập được sự chiếm hữu thực sự và quản lý hành chính hiệu quả tại đây. Hơn thế, sau gần một thế kỷ bị vương quốc Srivijaya chiếm đóng, Chân Lạp dần lực phát triển vùng trung tâm và bành trướng về phía tây. Từ thế kỷ IX đến thế kỷ XIV, dù từng đạt cực thịnh với văn minh Angkor, Chân Lạp vẫn không thiết lập được hệ thống quản lý ổn định tại Thủy Chân Lạp. Dấu tích văn hóa Khmer tại vùng Đồng Nai - Gia Định rất mờ nhạt, cho thấy sự hiện diện và kiểm soát lỏng lẻo của Chân Lạp tại khu vực này<sup>(4)</sup>.

Trong bối cảnh đó, các chúa Nguyễn ở Đàng Trong đã khuyến khích và tạo điều kiện cho cư dân Việt từ đất Thuận Quảng vào vùng Mô Xoài, Đồng Nai khai khẩn đất hoang, lập làng sinh sống. Đặc biệt, sau cuộc “hôn nhân chính trị” giữa Công chúa Ngọc Vạn và Vua Chey Chetta II (năm 1620), phía Chân Lạp đồng ý cho người Việt mở rộng địa bàn khai phá trên những vùng đất thưa dân. Chúa Nguyễn cũng được phép lập ở Prei Nokor (Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh) một trạm thu thuế để quản lý. Năm 1679, chúa Nguyễn Phúc Tần chấp thuận cho nhóm di thần nhà Minh quy phục góp phần đẩy nhanh quá trình khai phá, phát triển và xác

lập chủ quyền của mình trên lãnh thổ Nam Bộ. Năm 1698, chúa Nguyễn Phúc Chu cử Nguyễn Hữu Cảnh vào Nam kinh lược. Ông thành lập phủ Gia Định, gồm dinh Trấn Biên (Biên Hòa) và dinh Phiên Trấn (Sài Gòn), cất cử quan viên để quản lý. Đây là đơn vị hành chính cấp nhà nước đầu tiên tại Nam Bộ, ghi nhận chúa Nguyễn đã xác lập được quyền lực, khẳng định chủ quyền của người Việt ở trung tâm của vùng đất mà trên thực tế chính quyền Chân Lạp chưa khi nào thực thi một cách đầy đủ chủ quyền của mình.

Sau khi vua Chey Chetta II mất (năm 1628), cuộc chiến tranh quyền lực trong hoàng tộc Chân Lạp diễn ra liên tục với sự bảo trợ quân sự giữa một bên là chính quyền Xiêm và một bên là chính quyền chúa Nguyễn. Bối cảnh này đã tạo điều kiện thuận lợi cho chúa Nguyễn thiết lập quyền kiểm soát chính thức trên những vùng đất cư dân Việt đã dựng nghiệp.

Từ năm 1732 đến năm 1757, các vua Chân Lạp nhiều lần tự nguyện cắt đất dâng ơn cho chúa Nguyễn đã giúp dẹp loạn, giành và giữ quyền lực. Năm 1757, để hậu tạ chúa Nguyễn giúp mình giành lấy vương vị, vua Chân Lạp là Nặc Tôn đã dâng vùng đất Tâm Phong Long (tứ giác Long Xuyên). Sự kiện này đánh dấu quá trình xác lập chủ quyền lãnh thổ của người Việt trên đất Nam Bộ về cơ bản đã hoàn thành. Từ thế kỷ XVII - XVIII, các chúa Nguyễn tiếp tục lập ra các đơn vị hành chính, bố trí quan lại, lập sổ sách quản lý dân cư, đất đai và định ra các loại thuế. Sau năm 1744, vùng đất Nam Bộ được chia thành 04 dinh (Trấn Biên, Phiên Trấn, Long Hồ, Hà Tiên). Năm 1836, vua Minh Mạng cho lập sổ địa bạ toàn bộ Nam Kỳ gồm 06 tỉnh: Phiên An, Biên Hòa, Định Tường, Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên, với bộ máy hành chính và luật lệ tương tự các vùng đất lâu đời phía Bắc.

Như vậy, gần một thiên niên kỷ, nhà nước Chân Lạp không chiếm hữu liên tục và thực thi chủ quyền có hiệu quả trên vùng lãnh thổ chiếm được từ Phù Nam. Quá trình thụ đắc vùng đất Nam Bộ của chính quyền thời các chúa Nguyễn đến các vua nhà Nguyễn dưới

hình thức khai phá hòa bình kết hợp với đàm phán ngoại giao, không dựa trên chiến tranh xâm lược để khẳng định chủ quyền. Đây là phương thức được thừa nhận phù hợp với thông lệ lịch sử và luật quốc tế hiện hành.

*Thứ hai*, chính quyền thời các chúa Nguyễn đến các vua nhà Nguyễn triển khai nhiều chính sách kinh tế - xã hội toàn diện tại vùng Nam Bộ, góp phần mở rộng lãnh thổ và thiết lập nền tảng bền vững cho sự phát triển lâu dài

Chính quyền khuyến khích di dân từ miền Bắc, Trung, vào khai khẩn đất hoang, lập làng, định cư tại Nam Bộ. Người khai hoang được cấp đất, miễn thuế ban đầu, tạo điều kiện ổn định cuộc sống và hình thành cộng đồng cư dân lâu dài. Chính sách mềm dẻo với các thủ lĩnh người Khmer và Chăm cũng được áp dụng nhằm đưa vùng đất vào phạm vi kiểm soát một cách hòa bình, ổn định.

Nông nghiệp được xác định là ngành trụ cột. Chính quyền cấp đất, công cụ, giống lúa, lương thực cho dân và binh lính khẩn hoang các vùng đất màu mỡ, như Đồng Nai, Gia Định, ven sông Cửu Long. Các đồn điền kết hợp sản xuất - phòng thủ được lập ra, đồng thời đầu tư xây dựng công trình thủy lợi quy mô, như các kênh Bảo Định Giang (năm 1705), Thoại Hà (năm 1818), Vĩnh Tế (1819 -1824), mở rộng diện tích canh tác và kết nối giao thông vùng sông nước. Cùng với đó, việc di dân mang theo giống cây, con từ miền Bắc và miền Trung giúp đa dạng hóa nông sản vùng Nam Bộ.

Thủ công nghiệp và thương nghiệp cũng được chú trọng phát triển. Các làng nghề, như dệt, gốm, rèn, đóng ghe thuyền hình thành ở Gia Định, Biên Hòa, Mỹ Tho. Chính quyền khai thác hiệu quả các thương cảng tự nhiên, như Cù Lao Phố, Sài Gòn - Bến Nghé, Hà Tiên; đồng thời, khuyến khích giao thương với người Hoa, Nhật, châu Âu. Người Hoa được tạo điều kiện định cư và tham gia thương mại, hình thành tầng lớp thương nhân năng động, đóng góp đáng kể vào sự phát triển kinh tế khu vực.

Thông qua các chính sách này, chính quyền thời các chúa Nguyễn đến các vua nhà

Nguyễn không chỉ phát triển kinh tế vùng đất mới, mà còn khẳng định hiệu quả năng lực quản lý nhà nước, đáp ứng đầy đủ tiêu chí về “chiếm hữu thực sự” trên phương diện kinh tế - xã hội theo luật pháp quốc tế.

*Thứ ba*, chính quyền thời các chúa Nguyễn đến các vua nhà Nguyễn rất quan tâm xây dựng lực lượng bảo vệ lãnh thổ, cơ sở hạ tầng quân sự, duy trì an ninh trật tự

Chính sách lập đồn điền tại Nam Bộ dưới thời các chúa Nguyễn không chỉ nhằm phát triển kinh tế nông nghiệp, mà còn gắn chặt với nhiệm vụ bảo vệ biên cương và khẳng định chủ quyền quốc gia. Các đồn điền vừa là nơi canh tác vừa đóng vai trò như căn cứ quân sự, nơi cư dân được tổ chức và huấn luyện thành lực lượng phòng vệ thường trực.

Quân đội giữ vai trò nòng cốt trong quá trình mở đất và quản lý vùng đất mới. Không chỉ thực hiện chức năng chiến đấu, quân đội còn trực tiếp tham gia khai khẩn, bảo vệ cư dân và kiểm soát các đồn điền tại những khu vực chiến lược, như Đồng Nai, Sài Gòn, Hà Tiên. Lực lượng thủy binh giúp kiểm soát các tuyến giao thông thủy, bảo đảm an ninh và hỗ trợ giao thương. Sự kiện Mạc Cửu quy phục và dâng Hà Tiên năm 1708 cùng với các chiến dịch quân sự chống thế lực thân Xiêm từ thế kỷ XVII đến nửa đầu thế kỷ XIX cho thấy vai trò quyết định của quân đội dưới thời các chúa Nguyễn đến các vua nhà Nguyễn trong bảo vệ chủ quyền.

Việc tổ chức kiểm soát, khai thác và bảo vệ vùng đất Nam Bộ bằng lực lượng dân - binh kết hợp với quản lý hành chính - quân sự là biểu hiện sinh động của nguyên tắc chiếm hữu thực sự theo luật quốc tế. Đây là nền tảng pháp lý - lịch sử khẳng định tính chính danh và liên tục của chủ quyền Việt Nam tại khu vực này, hoàn toàn không phải là hành vi chiếm đoạt hay xâm lược.

*Thứ tư*, chính quyền thời các chúa Nguyễn đến các vua nhà Nguyễn truyền bá ngôn ngữ, phong tục và thiết lập đời sống văn hóa - tín ngưỡng nhằm tạo nền tảng văn hóa - xã hội thống nhất ở Nam Bộ

Chính quyền còn chú trọng đưa chữ Hán, chữ Nôm và tiếng Việt vào sử dụng chính thức trong hành chính, giáo dục và giao tiếp, góp phần thống nhất ngôn ngữ trong cộng đồng cư dân đa sắc tộc. Các trường học được xây dựng, khoa thi được mở tại Gia Định, Trấn Biên nhằm đào tạo nhân tài tại chỗ, đồng thời truyền bá tư tưởng Nho giáo, củng cố nền tảng đạo lý và quản lý xã hội.

Cư dân Việt mang theo mô hình tổ chức làng xã, phong tục truyền thống, như cúng tổ tiên, Tết Nguyên đán, cưới hỏi, tang ma,... góp phần hình thành cấu trúc xã hội ổn định. Chính quyền thực hiện chính sách hòa hợp với văn hóa bản địa Khmer, Chăm, Hoa, không áp đặt đồng hóa cưỡng bức mà dung hợp linh hoạt, từng bước Việt hóa bằng con đường mềm dẻo.

Chính quyền khuyến khích Phật giáo phát triển với các chùa lớn được xây dựng, như Giác Lâm, Giác Viên. Nho giáo giữ vị trí chính thống trong quản trị và giáo dục. Các tín ngưỡng dân gian, như thờ Thành hoàng, Mẫu, Cá Ông,... lan tỏa mạnh mẽ và thích nghi với điều kiện sông nước đặc thù Nam Bộ. Người Hoa được cho phép xây dựng hội quán, miếu thờ Quan Công, Thiên Hậu, Không Tử,... góp phần làm phong phú bản sắc vùng đất mới.

Chính sách văn hóa - xã hội dưới thời các chúa Nguyễn đến các vua nhà Nguyễn vừa khẳng định chủ quyền quốc gia, vừa tạo điều kiện cho sự hội nhập, thống nhất, góp phần thực thi nguyên tắc chiếm hữu thực sự trên phương diện văn hóa - dân cư theo luật pháp quốc tế.

*Thứ năm*, Nhà nước Việt Nam qua các thời kỳ đã thực thi chủ quyền trên vùng đất Nam Bộ một cách liên tục và hòa bình

Từ thời các chúa Nguyễn, Tây Sơn đến các vua triều Nguyễn, vùng đất Nam Bộ luôn nằm dưới sự quản lý trực tiếp, liên tục, không gián đoạn của Nhà nước phong kiến Việt Nam. Sau này, tuy có thời gian bị gián đoạn bởi sự xâm lược của thực dân Pháp và đế quốc Mỹ nhưng Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa chưa bao giờ từ bỏ. Với ý chí “Đồng bào Nam Bộ là dân nước Việt Nam. Sông có thể cạn, núi có thể

mòn, song chân lý đó không bao giờ thay đổi!”<sup>(5)</sup> và quyết tâm “Dân tộc ta là một, nước Việt Nam là một. Nhân dân ta nhất định sẽ vượt tất cả mọi khó khăn và thực hiện kỳ được “thống nhất đất nước, Nam Bắc một nhà”<sup>(6)</sup>, toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta luôn kiên trì đấu tranh để xác lập, duy trì chủ quyền đầy đủ, liên tục.

Đáng nói hơn, chủ quyền đối với Nam Bộ được Nhà nước Việt Nam thiết lập và duy trì bằng con đường hòa bình. Không có yếu tố xâm lược hay chiến tranh thôn tính mà được sự đồng thuận và quy phục tự nguyện. Nhà nước phong kiến Việt Nam không đàn áp, đồng hóa cưỡng bức các dân tộc bản địa, mà thực hiện chính sách hòa hợp, cho phép người Khmer, Chăm, Hoa giữ lại phong tục, tôn giáo riêng. Người Hoa, Khmer, Chăm,... hòa hợp với người Việt, chung sống hòa bình và cùng góp sức khai phá, bảo vệ vùng đất Nam Bộ dưới sự bảo hộ của chính quyền chúa Nguyễn.

Sự hiện diện, quản lý và kiểm soát liên tục, công khai, hòa bình của Nhà nước Việt Nam trong thực thi chủ quyền trên vùng đất Nam Bộ là hoàn toàn phù hợp với luật pháp quốc tế hiện đại.

*Thứ sáu*, chủ quyền của Việt Nam đối với vùng đất Nam Bộ được khẳng định qua các văn bản pháp lý có giá trị quốc tế

Kết thúc chiến tranh Việt - Xiêm (1841 - 1845), Hiệp ước giữa An Nam (Việt Nam), Xiêm (Thái Lan) và Cao Miên (Campuchia) được ký kết (tháng 12/1845) đã thừa nhận lục tỉnh Nam kỳ thuộc về Việt Nam. Điều này lý giải tại sao khi triều Nguyễn tổ chức kháng chiến thất bại buộc phải nhượng 03 tỉnh miền Đông (năm 1862) rồi 03 tỉnh miền Tây (năm 1874) cho Pháp mà Nhà nước Campuchia không có phản ứng gì. Năm 1889 giữa Pháp và Campuchia đã ký một loạt các văn bản pháp lý về phân định cắm mốc biên giới giữa Nam Kỳ và Campuchia, ghi nhận vùng đất Nam Kỳ hoàn toàn thuộc về Việt Nam. Bất chấp sự thật lịch sử và thỏa thuận đã ký trước đây, năm 1949 chính quyền Campuchia phản đối việc trao trả Nam Kỳ cho “Việt Nam” của Chính phủ Pháp với lý do Nam Kỳ là lãnh

thổ của Campuchia bị người Việt xâm chiếm. Bác bỏ phản đối phi lý này, trong thư phúc đáp Chính phủ Pháp lập luận: “Ngoài những lý do thực tiễn, những lý do về pháp lý và lịch sử không cho phép Chính phủ Pháp từ chối các cuộc đàm phán song phương với Campuchia để sửa lại đường biên giới của Nam Kỳ” vì “Nam kỳ đã được An Nam nhượng cho Pháp theo các Hiệp ước năm 1862 và 1874... chính từ triều đình Huế mà Pháp nhận được toàn bộ miền Nam Việt Nam”. Đáng nói hơn, Chính phủ Pháp còn khẳng định: “Lịch sử ngược lại với luận thuyết cho rằng miền Tây Nam Kỳ vẫn còn phụ thuộc triều đình Khmer lúc Pháp tới” và “Hà Tiên đã được đặt dưới quyền tôn chủ của Hoàng đế An Nam từ năm 1715 và kênh nối Hà Tiên với Châu Đốc được đào theo lệnh của các quan An Nam từ nửa thế kỷ trước khi chúng tôi đến”<sup>(7)</sup>.

Do những thất bại liên tiếp nên thực dân Pháp buộc phải ký kết Hiệp định Gionevơ (tháng 7/1954) và đế quốc Mỹ cũng phải ký kết Hiệp định Pari (tháng 01/1973). Cả hai văn bản pháp lý có giá trị quốc tế này đều ghi nhận Nam Bộ thuộc chủ quyền của Việt Nam. Hơn thế, sau khi được sự giúp đỡ của quân tình nguyện Việt Nam, nhân dân Campuchia được giải phóng khỏi chế độ diệt chủng Khmer đỏ, Hiệp ước hòa bình, hữu nghị và hợp tác giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa Nhân dân Campuchia (nay là Vương quốc Campuchia) được ký kết (ngày 18/02/1979). Tiếp đó là các hiệp ước về biên giới được hai nước ký kết vào các năm: 1983, 1985, 2005, 2019, đều thừa nhận chủ quyền của Việt Nam đối với vùng đất Nam Bộ.

Chủ quyền của Việt Nam đối với Nam Bộ đã được thiết lập thực tế từ thế kỷ XVII và được cộng đồng quốc tế, trong đó có Campuchia - quốc gia từng có liên quan lịch sử, chính thức thừa nhận bằng các hiệp ước đa phương, song phương mang giá trị pháp lý ràng buộc. Những hiệp ước này củng cố thêm cơ sở pháp lý quốc tế cho lập luận về chủ quyền liên tục, hòa bình và hợp pháp của Việt Nam trên vùng đất Nam Bộ.

5. Từ góc độ nguyên tắc chiếm hữu thực sự - một tiêu chuẩn pháp lý phổ quát trong luật quốc tế hiện đại, có thể khẳng định rằng: quá trình xác lập, thực thi và duy trì chủ quyền của Việt Nam đối với vùng đất Nam Bộ là hoàn toàn hợp pháp, liên tục, hòa bình và không thể tranh cãi.

Trong bối cảnh địa chính trị đầy biến động, việc bảo vệ chủ quyền lãnh thổ đòi hỏi sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa sức mạnh nội lực và các quy chuẩn pháp lý toàn cầu. Đại hội lần thứ XIV khẳng định cần bảo đảm và bảo vệ cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở luật pháp quốc tế và Hiến chương Liên hợp quốc<sup>(8)</sup>. Đây chính là nền tảng để kiên quyết, kiên trì bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, đồng thời hiện thực hóa chiến lược bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa. Việc khẳng định chủ quyền thông qua các luận cứ khoa học chính là vũ khí sắc bén để đập tan mọi âm mưu xuyên tạc, ly khai, giữ vững sự ổn định và phát triển bền vững của quốc gia trong kỷ nguyên mới □

(1) Dẫn theo TS. Trần Công Trục, *Nguyên tắc quốc tế về xác lập chủ quyền lãnh thổ*, <https://daibieunhandan.vn>, ngày 14/10/2019

(2) Dẫn theo Lương Ninh, *Nước Phù Nam*, Nxb Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2006, tr.47

(3) Dẫn theo Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, *Lược sử vùng đất Nam Bộ Việt Nam*, Nxb Thế giới, Hà Nội, 2008, tr.15

(4) Theo Võ Sỹ Khải, *Nghiên cứu văn hóa khảo cổ Óc Eo: mười năm nhìn lại*, Khảo cổ học số 4/1985

(5) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr.280

(6) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Sđd, t.12, tr.674

(7) Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, *Lược sử vùng đất Nam Bộ Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2014, tr.108-109

(8) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2026, t.I, tr.117